TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN,** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ- ST
Ngày 15 - 8 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Bống
2. Bà Lý Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hân-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ-TA ngày 30/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm 2005; nơi cư trú: bản X, xã Tường Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lường Ngọc Dng, sinh năm 1995; nơi cư trú: bản Y, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đinh Thị D trình bày: Chị D và anh Dng xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 29/12/2023. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh Dng thường xuyên có lời nói, hành vi xúc phạm, bạo lực về tinh thần đối với chị D. Chị D và anh Dng đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Chị D thấy rằng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, không thể giải hoà, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Dng.

Về con chung, vợ chồng sinh được một người con chung là cháu Lường Thu Tr, sinh ngày 23/11/2023. Hiện nay cháu Lường Thu Tr đang sống cùng với chị D. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị D có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lường Thu Tr. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D yêu cầu anh Dng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung, tài sản riêng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản. Về án phí, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa. Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Riêng đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng không có mặt. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị D được ly hôn anh Dng. Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Thu Tr; về cấp dưỡng, đề nghị buộc anh Dng phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2024 nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau đối với các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử công khai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX – ST ngày 10 tháng 7 năm 2024. Tuy nhiên, do bị đơn là anh Lường Ngọc Dng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Đinh Thị D và anh Lường Ngọc Dng xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị D và anh Lường Ngọc Dng được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2023 (ngày đăng ký kết hôn).

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống giữa vợ và chồng có nhiều khác biệt. Vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng nên chị D và anh Dng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Dng và chị D đều không có giải pháp phù hợp để hàn gắn mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng không còn; tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về con chung, vợ chồng anh Dng, chị D có một người con chung là cháu Lường Thu Tr. Chị D và anh Dng đều có yêu cầu nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con của anh Dng và chị D thấy rằng: Cháu Lường Thu Tr sinh ngày 23/11/2023, tính đến ngày xét xử, cháu Tr chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu Tr là nữ giới, việc giao cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi hơn trong việc chăm sóc. Căn cứ vào điều kiện, khả năng của chị D và anh Dng, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Thu Tr.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị D yêu cầu anh Dng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Xét yêu cầu của chị D là phù hợp, cần chấp nhận. Buộc anh Lường Ngọc Dng phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/4/2024 (ngày khởi kiện) cho đến khi cháu Lường Thu Tr thành niên (đủ 18 tuổi).

[5] Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí, chị D và anh Dng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275 của Bộ luật Dân sự;các Điều 17, 18, 19, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 68, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị D và anh Lường Ngọc Dng.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cho chị Đinh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường Thu Tr, sinh 23/11/2023 cho đến khi cháu Lường Thu Tr thành niên (đủ 18 tuổi).

Buộc anh Lường Ngọc Dng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 (ngày khởi kiện) cho đến khi cháu Lường Thu Tr thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị Đinh Thị D và anh Lường Ngọc Dng vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị D phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0540 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Anh Lường Ngọc Dng phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Phù Yên;
- Chi cục THA Dân sự Phù Yên;
- UBND xã Huy Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Phù Yên;
- Chi cục THA Dân sự Phù Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Phù Yên;
- Toà án tỉnh;
- Chi cục THA Dân sự Phù Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tân Việt